Chi tiết mã HS 3903

Mã HS	3903
Mô tả hàng hóa	Các polyme từ styren, dạng nguyên sinh
Đơn vị	
Thời điểm tạo	31/10/2026 08:55:24
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/3903/

15 dòng thuế thuộc 3903

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
3903.11.10	Các polyme từ styren, dạng nguyên sinh / - Polystyren: / - - Loại giãn nở được: / - - - Dạng hạt(SEN)	kg	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
3903.11.90	Các polyme từ styren, dạng nguyên sinh / - Polystyren: / - - Loại giãn nở được: / - - - Loại khác	kg	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
3903.19.10	Các polyme từ styren, dạng nguyên sinh / - Polystyren: / - - Loại khác: / - - - Dạng phân tán(SEN)	kg	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
3903.19.20	Các polyme từ styren, dạng nguyên sinh / - Polystyren: / - - Loại khác: / - - - Dạng hạt, viên, hạt cườm, vẩy, mảnh và các dạng tương tự (SEN)	kg	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
3903.19.90	Các polyme từ styren, dạng nguyên sinh / - Polystyren: / - - Loại khác: / - - - Loại khác	kg	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
3903.20.40	Các polyme từ styren, dạng nguyên sinh / - Các copolyme styren-acrylonitril (SAN): / - - Dạng phân tán trong môi trường nước	kg	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
3903.20.50	Các polyme từ styren, dạng nguyên sinh / - Các copolyme styren-acrylonitril (SAN): / - - Dạng phân tán trong môi trường không chứa nước	kg	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
3903.20.90	Các polyme từ styren, dạng nguyên sinh / - Các copolyme styren-acrylonitril (SAN): / - - Loại khác	kg	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
3903.30.40	Các polyme từ styren, dạng nguyên sinh / - Các copolyme acrylonitril-butadien-styren (ABS): / - - Dạng phân tán trong môi trường nước	kg	12%	8%	8 / 10 (nhiều mức)
3903.30.50	Các polyme từ styren, dạng nguyên sinh / - Các copolyme acrylonitril-butadien-styren (ABS): / - - Dạng phân tán trong môi trường không chứa nước	kg	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
3903.30.60	Các polyme từ styren, dạng nguyên sinh / - Các copolyme acrylonitril-butadien-styren (ABS): / - - Dạng hạt(SEN)	kg	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
3903.30.90	Các polyme từ styren, dạng nguyên sinh / - Các copolyme acrylonitril-butadien-styren (ABS): / - - Loại khác	kg	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
3903.90.30	Các polyme từ styren, dạng nguyên sinh / - Loại khác: / - - Dạng phân tán(SEN)	kg	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
3903.90.91	Các polyme từ styren, dạng nguyên sinh / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Các polyme từ styren chịu lực, có độ bền va đập bằng phương pháp Izod nhỏ hơn 80 J/m ở 23oC (SEN)	kg	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
3903.90.99	Các polyme từ styren, dạng nguyên sinh / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác	kg	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.